

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH  
HOLDING  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
THẢO DƯỢC XANH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 39

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Bích Ngọc.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không còn sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh (UHY).

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẢO DƯỢC XANH**

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Đức Thành**

**Tổng Giám đốc**

Bến Tre, ngày 26 tháng 05 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 05 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục số 13 và mục số 19.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2017, số vốn đã góp là 109.970.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với giá trị là 3.700.000.000 đồng đã hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu cho Công ty ngày 28/03/2018.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1496-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2018*

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số 1828-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>77.231.354.849</b>	<b>3.511.001.730</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.984.660.582	713.189.676
Tiền	111		2.984.660.582	713.189.676
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.075.799.528	2.351.179.175
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	457.687.054	2.047.500.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.044.148.702	22.027.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	64.599.479.522	281.651.375
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.515.750)	-
Hàng tồn kho	140	10	3.435.373.089	377.154.310
Hàng tồn kho	141		3.435.373.089	377.154.310
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.735.521.650	69.478.569
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	245.953.950	13.970.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.487.840.080	55.008.569
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.727.620	500.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>47.514.916.480</b>	<b>6.992.892.771</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		616.250.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	9	616.250.000	-
Tài sản cố định	220		15.259.931.787	-
Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.292.340.903	-
- Nguyên giá	222		13.144.501.455	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(852.160.552)	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.967.590.884	-
- Nguyên giá	228		2.999.808.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.217.116)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	6.500.000.000	6.579.478.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.500.000.000	6.579.478.000
Tài sản dài hạn khác	260		25.138.734.693	413.414.771
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	24.798.665.160	413.414.771
Lợi thế thương mại	269		340.069.533	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>124.746.271.329</b>	<b>10.503.894.501</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>985.933.766</b>	<b>860.392.994</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>985.933.766</b>	<b>860.392.994</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	297.631.304	129.004.212
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	455.806.982	59.388.782
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	216.060.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16.435.480	672.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>123.760.337.563</b>	<b>9.643.501.507</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>123.760.337.563</b>	<b>9.643.501.507</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.970.000.000	9.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.970.000.000	9.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.796.212.042	143.501.507
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		143.501.507	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.652.710.535	143.501.507
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		11.994.125.522	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>124.746.271.329</b>	<b>10.503.894.501</b>

Bến Tre, ngày 26 tháng 05 năm 2018

Người lập biểu

Đặng Thị Minh Tuyết

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	11.513.049.797	2.339.228.450
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.513.049.797	2.339.228.450
Giá vốn hàng bán	11	21	4.026.683.037	648.794.184
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.486.366.760	1.690.434.266
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	6.471.078	2.794.747
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	23	333.157.144	19.621.538
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	4.948.385.157	1.470.798.735
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.211.295.537	202.808.740
Thu nhập khác	31	24	36.160.448	-
Chi phí khác	32	25	25.289.169	-
Lợi nhuận khác	40		10.871.279	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.222.166.816	202.808.740
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	336.685.473	59.307.233
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.885.481.343	143.501.507
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		1.652.710.535	143.501.507
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		232.770.808	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	476	151
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	476	151

Người lập biểu

Đặng Thị Minh Tuyết

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Bến Tre, ngày 26 tháng 05 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đặng Đức Thành

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.222.166.816	202.808.740
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	394.509.313	-
Các khoản dự phòng	03	25.515.750	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(6.471.078)	(2.794.747)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	2.635.720.801	200.013.993
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(68.405.259.126)	(2.406.687.744)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(674.656.301)	(377.154.310)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(172.848.573)	801.085.761
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(24.473.294.268)	(427.384.771)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(59.307.233)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	(91.149.644.699)	(2.210.127.071)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.999.808.000)	(6.579.478.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	79.478.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.135.025.473)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.471.078	2.794.747
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(7.048.884.395)	(6.576.683.253)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	100.470.000.000	9.500.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	100.470.000.000	9.500.000.000

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.271.470.906	713.189.676
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	713.189.676	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	2.984.660.582	713.189.676

Bến Tre, ngày 26 tháng 05 năm 2018

Người lập biểu

Đặng Thị Minh Tuyết

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Bích Ngọc

Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Green Herbs Investment Joint Stock Company, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2016, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 đồng, chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Nguyễn Văn Linh)	13C Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Madagui)	Khu du lịch rừng Madagui, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, Huyện Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	Buôn bán thực phẩm chức năng
Chi Nhánh Công ty CP Đầu Tư Thảo Dược Xanh - Cửa hàng Green + (Chi nhánh Bình Châu)	Quốc lộ 55, Xã Bình Châu, Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa - Vũng Tàu	Buôn bán thực phẩm chức năng

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại: kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thực phẩm chức năng.
- Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty chủ yếu là kinh doanh thực phẩm chức năng, kinh doanh bất động sản. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp thực phẩm chức năng. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các công ty cùng ngành sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**1.6 CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Công ty con:** là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Các Công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	394/1 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, TP HCM	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ cây nấm.	60%	60%

**Công ty liên doanh, liên kết:** là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, Công ty không có quyền hoặc không chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Không có Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Đây là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Năm kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

**4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

**4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

**5.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10

**5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình là là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao 50 năm theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

**5.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

**Chi phí khác**

Chi phí khác thể hiện chi phí quảng cáo, thiết kế, xét nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm, phí dịch vụ in ấn, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê 45 sạp tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, phân bổ theo thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**5.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

**5.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**5.10 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.10 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH, GIÁ VỐN (TIẾP)**

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

**5.11 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5.12 NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây tại thời điểm phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.12 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**5.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là buôn bán thực phẩm chức năng, phần lớn khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre, Lâm Đồng và Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Khoản mục không được phân bổ là chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**5.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**5.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	175.054.956	161.826.894
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.809.605.626	551.362.782
<b>Cộng</b>	<b>2.984.660.582</b>	<b>713.189.676</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>457.687.054</b>	<b>2.047.500.000</b>
- Ông Nguyễn Thanh Sơn	-	2.047.500.000
- Công ty TNHH Dược Phẩm Giai Cảnh	336.500.000	-
- Cty TNHH Dược phẩm Fitopharma	51.031.500	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	70.155.554	-
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.044.148.702</b>	<b>22.027.800</b>
- Nguyễn Thị Minh Tấn	800.000.000	-
- Cá nhân trồng và bán nấm Linh Chi	1.507.047.202	-
- Công ty XD Ngân Tháp	500.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	237.101.500	22.027.800
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>64.599.479.522</b>	-	<b>281.651.375</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	93.000.000	-	33.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	52.876.099.522	-	245.000.000	-
+ Ông Lê Đình Phong (*)	20.458.000.000	-	-	-
+ Ông Phạm Văn Sơn (**)	30.000.000.000	-	-	-
+ Phải thu ngắn hạn khác	2.418.099.522	-	245.000.000	-
- Tạm ứng	11.630.380.000	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	3.651.375	-
<b>Dài hạn</b>	<b>616.250.000</b>	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	506.250.000	-	-	-
- Công ty TNHH Năm Sạch	110.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>65.215.729.522</b>	-	<b>281.651.375</b>	-

(\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBH/HĐQT-2017 ngày 10/07/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh thông qua việc đầu tư cổ phần phổ thông do Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước Cửu Long phát hành, Hội đồng Quản trị đồng ý tạm ứng vốn cho Ông Lê Đình Phong để thực hiện việc thu mua, thực hiện thủ tục sở hữu cho Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

(\*\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/BBH/HĐQT-2017 ngày 15/07/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh thông qua việc mua tăng 2 (thương mại - dịch vụ) khu Chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Giác, Đà Nẵng để khai thác cho thuê. Tổng giá trị đầu tư là 42.000.000.000 đồng. Hội đồng quản trị đồng ý tạm ứng vốn và giao cho Ông Phạm Văn Sơn thực hiện hỗ trợ đối tác giải chấp tài sản với ngân hàng và thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.147.888	-	5.462.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	31.154.000	-
Hàng hóa	2.425.592.949	-	340.538.310	-
<b>Cộng</b>	<b>3.435.373.089</b>	<b>-</b>	<b>377.154.310</b>	<b>-</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Tăng do hợp nhất BCTC	-	-	-	-
Mua trong năm	11.482.000.000	400.000.000	1.285.673.455	1.285.673.455
Giảm khác	-	-	(23.172.000)	(23.172.000)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>11.482.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>1.262.501.455</b>	<b>13.144.501.455</b>

**HAO MÒN LŨY KẾ**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Tăng do hợp nhất BCTC	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	(382.733.332)	(13.333.332)	(353.015.745)	(353.015.745)
Giảm khác	-	-	(126.250.143)	(522.316.807)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>(382.733.332)</b>	<b>(13.333.332)</b>	<b>23.172.000</b>	<b>23.172.000</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>(382.733.332)</b>	<b>(13.333.332)</b>	<b>(456.093.888)</b>	<b>(852.160.552)</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>11.099.266.668</b>	<b>386.666.668</b>	<b>806.407.567</b>	<b>12.292.340.903</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 0 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Cộng  <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Tại 01/01/2017</b>		
- Mua trong năm	2.999.808.000	2.999.808.000
<b>Tại 31/12/2017</b>	<u>2.999.808.000</u>	<u>2.999.808.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
<b>Tại 01/01/2017</b>		
- Khấu hao trong năm	(32.217.116)	(32.217.116)
<b>Tại 31/12/2017</b>	<u>(32.217.116)</u>	<u>(32.217.116)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại 01/01/2017</b>	-	-
<b>Tại 31/12/2017</b>	<u>2.967.590.884</u>	<u>2.967.590.884</u>

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng 9.374,4 m<sup>2</sup> đất thuê trả tiền một lần tại thửa số 653 tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre trong 50 năm tính từ ngày 19/06/2017 theo hợp đồng thuê đất số 49/HĐTD ngày 10/07/2017 giữa Công ty với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre. Công ty phân bổ khấu hao theo đường thẳng trong 50 năm.

**13. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2017 <u>VND</u>	Tại 01/01/2017 <u>VND</u>
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.579.478.000</b>
+ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn hộ 1.10 Lô AB, chung cư AView(*)	3.700.000.000	3.700.000.000
+ Chi phí mua sắm căn hộ 1.09 Lô AB, chung cư AView	2.800.000.000	2.800.000.000
+ Chi phí đầu tư trại nấm giống Madagui	-	79.478.000
<b>Cộng</b>	<u>6.500.000.000</u>	<u>6.579.478.000</u>

(\*) Căn cứ Biên bản họp Hội đồng cổ đông số 01/BBH/HĐCĐ ngày 01/06/2016 và Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/06/2016 thông qua việc góp vốn của Ông Đặng Đức Thành bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 704358 là căn hộ tầng trệt 1.10 Lô AB Chung cư Aview 1, KDC 13C Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM với giá trị góp vốn 3.700.000.000 đồng làm trụ sở Chi nhánh Công ty. Tài sản này đã chuyển quyền sở hữu cho Công ty ngày 28/03/2018.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>245.953.951</b>	<b>13.970.000</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	38.187.173	-
- Chi phí phần mềm	23.367.934	-
- Chi phí truyền thông, quảng cáo	114.126.250	-
- Chi phí thuê nhà	-	13.970.000
- Các khoản khác	70.272.594	-
<b>Dài hạn</b>	<b>24.798.665.159</b>	<b>413.414.771</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	298.742.766	183.841.543
- Chi phí truyền thông, quảng cáo	127.777.521	81.625.009
- Chi phí xét nghiệm, phân tích mẫu	11.558.134	144.912.877
- Chi phí thuê 45 sạp chợ (*)	24.264.366.103	-
- Các khoản khác	96.220.635	3.035.342
<b>Cộng</b>	<b>25.044.619.110</b>	<b>427.384.771</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô sạp có tổng diện tích 488,30 m<sup>2</sup> tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>297.631.304</b>	<b>297.631.304</b>	<b>129.004.212</b>	<b>129.004.212</b>
- Công ty TNHH Ong Mật TRACYBEE	64.449.680	64.449.680	29.317.200	29.317.200
- Công ty TNHH Sản xuất Mỹ phẩm Lan Hào	8.186.640	8.186.640	13.919.400	13.919.400
- Công ty TNHH Tân Tâm Long	-	-	12.798.720	12.798.720
- Công ty Cổ Phần DAVID HEALTH Việt Nam	24.666.600	24.666.600	24.666.600	24.666.600
- Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	27.370.200	27.370.200	-	-
- Thời báo Kinh tế Việt Nam	88.000.000	88.000.000	-	-
- Báo Sài Gòn Giải Phóng	30.500.000	30.500.000	-	-
- Các khoản phải trả người bán khác	54.458.184	54.458.184	48.302.292	48.302.292
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2017		Số phải nộp trong năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		Tại 31/12/2017	
	VND		VND		VND		VND	
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	81.549		54.095.475		20.364.215		33.812.809	
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		26.454.957		26.454.957		-	
- Thuế xuất, nhập khẩu	-		46.407.363		23.670.663		22.736.700	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.307.233		336.685.473		59.307.233		336.685.473	
- Thuế thu nhập cá nhân	-		91.792.000		29.220.000		62.572.000	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-		2.999.808.000		2.999.808.000		-	
- Các loại thuế khác	-		8.000.000		8.000.000		-	
<b>Cộng</b>	<b>59.388.782</b>		<b>3.563.243.268</b>		<b>3.166.825.068</b>		<b>455.806.982</b>	
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		-		727.620		727.620	
- Các loại thuế khác	500.000		2.000.000		2.500.000		1.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>500.000</b>		<b>2.000.000</b>		<b>2.500.000</b>		<b>1.727.620</b>	

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí lương tháng 13	216.060.000	-
- Các khoản trích trước khác	183.060.000	-
	33.000.000	-
Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>216.060.000</b>	<b>-</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Bảo hiểm xã hội	16.435.480	16.435.480	672.000.000	672.000.000
- Bảo hiểm y tế	14.797.480	14.797.480	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.134.000	1.134.000	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	504.000	504.000	-	-
+ Ông Đặng Đức Thành	-	-	672.000.000	672.000.000
	-	-	672.000.000	672.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.435.480</b>	<b>16.435.480</b>	<b>672.000.000</b>	<b>672.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/06/2016	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	143.501.507	-	143.501.507
- Góp vốn trong năm	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>143.501.507</b>	<b>-</b>	<b>9.643.501.507</b>
Tại 01/01/2017	9.500.000.000	143.501.507	-	9.643.501.507
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	11.761.354.714	11.761.354.714
- Lợi nhuận trong năm	-	1.652.710.535	232.770.808	1.885.481.343
- Tăng vốn trong năm	100.470.000.000	-	-	100.470.000.000
<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>109.970.000.000</b>	<b>1.796.212.042</b>	<b>11.994.125.522</b>	<b>123.760.337.563</b>

**19.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
- Ông Đặng Đức Thành	29%	31.930.000.000	48%	4.600.000.000
- Bà Lê Thị Tuyền	1%	1.200.000.000	13%	1.200.000.000
- Bà Nguyễn Phước Hải Yến	1%	1.200.000.000	13%	1.200.000.000
- Ông Nguyễn Nam Hải	3%	3.600.000.000	12%	1.100.000.000
- Bà Lâm Thị Diệu Hương	7%	8.200.000.000	-	-
- Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	33%	36.000.000.000	-	-
- Ông Cổ Đức Trọng	5%	5.300.000.000	-	-
- Ông Phan Văn Thêm	2%	2.400.000.000	-	-
- Bà Phan Thị Nhiều	4%	4.800.000.000	-	-
- Cổ đông khác	14%	15.340.000.000	15%	1.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>109.970.000.000</b>	<b>100</b>	<b>9.500.000.000</b>

Theo Quyết định số 04/QĐCĐ của Đại hội Cổ đông ngày 05/06/2017, Công ty phát hành thêm 9.600.000 cổ phần, tăng vốn điều lệ từ 24.000.000.000 đồng lên 120.000.000.000 đồng. Tổng số vốn thực góp đến ngày 31/12/2017 là 109.970.000.000 đồng, trong đó góp vốn bằng tiền mặt là 7.290.000.000 đồng, góp vốn bằng tài sản là 3.700.000.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	9.500.000.000	-
+ Vốn góp tăng trong năm	100.470.000.000	9.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	109.970.000.000	9.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19.5 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2017 CP	Tại 01/01/2017 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	2.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.997.000	2.400.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.997.000	950.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.997.000	950.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.997.000	950.000
- <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>11.513.049.797</b>	<b>2.339.228.450</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	10.226.504.344	2.339.228.450
- Doanh thu cho thuê vựa	1.286.545.453	-
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.741.890.037	648.794.184
Doanh thu cho thuê vựa	284.793.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.026.683.037</b>	<b>648.794.184</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.471.078	2.794.747
<b>Cộng</b>	<b>6.471.078</b>	<b>2.794.747</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	<b>333.157.144</b>	<b>19.621.538</b>
- Chi phí đồ dùng, vật liệu	134.310.012	8.214.545
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.343.518	9.440.860
- Chi phí bằng tiền khác	9.503.614	1.966.133
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>4.948.385.157</b>	<b>1.470.798.735</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.138.130.000	1.092.064.000
- Chi phí vật liệu quản lý	27.522.273	42.727.592
- Chi phí đồ dùng văn phòng	15.623.676	10.995.068
- Chi phí khấu hao TSCĐ	73.419.954	-
- Chi phí dự phòng	25.515.750	-
- Thuế, phí và lệ phí	39.900.976	17.171.926
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.254.492.953	103.945.605
- Chi phí bằng tiền khác	373.779.575	203.894.544
<i>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	-	-

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ tiền hỗ trợ	36.160.448	-
<b>Cộng</b>	<b>36.160.448</b>	<b>-</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phạt chậm nộp thuế	24.103.369	-
Chi phí khác	1.185.800	-
<b>Cộng</b>	<b>25.289.169</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.222.166.816</b>	<b>202.808.740</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>43.187.565</b>	<b>93.727.420</b>
- Chi phí không được trừ	7.591.680	93.727.420
- Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	17.697.489	-
- Lợi thế thương mại	17.898.396	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>2.265.354.381</b>	<b>296.536.160</b>
Chuyển lỗ các năm trước	(581.927.020)	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>1.683.427.361</b>	<b>296.536.160</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>336.685.473</b>	<b>59.307.233</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.772.601.359	699.736.321
Chi phí nhân công	3.138.130.000	1.092.064.000
Khấu hao tài sản cố định	376.610.917	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.739.417.418	124.381.533
Chi phí bằng tiền khác	423.184.165	223.032.603
<b>Cộng</b>	<b>9.449.943.859</b>	<b>2.139.214.457</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.652.710.535	143.501.507
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.474.079	950.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>476</b>	<b>151</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.652.710.535	143.501.507
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.474.079	950.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b><u>476</u></b>	<b><u>151</u></b>

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.14.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.984.660.582	713.189.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	65.673.416.576	2.329.151.375
<b>Cộng</b>	<b>68.658.077.158</b>	<b>3.042.341.051</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	314.066.784	801.004.212
Chi phí phải trả	216.060.000	-
<b>Cộng</b>	<b>530.126.784</b>	<b>801.004.212</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>68.127.950.374</b>	<b>2.241.336.839</b>

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	314.066.784	-	-	314.066.784
Chi phí phải trả	216.060.000	-	-	216.060.000
<b>Cộng</b>	<b>530.126.784</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>530.126.784</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	801.004.212	-	-	801.004.212
<b>Cộng</b>	<b>801.004.212</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>801.004.212</b>

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.984.660.582	-	-	2.984.660.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	65.057.166.576	616.250.000	-	65.673.416.576
<b>Cộng</b>	<b>68.041.827.158</b>	<b>616.250.000</b>	<b>-</b>	<b>68.658.077.158</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	713.189.676	-	-	713.189.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.329.151.375	-	-	2.329.151.375
<b>Cộng</b>	<b>3.042.341.051</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.042.341.051</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẢO DƯỠC XANH**

Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty:

Năm 2017	Lâm đồng	TP Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bến Tre	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.248.910	10.186.355.070	27.791.274	1.289.654.543	11.513.049.797
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9.248.910</b>	<b>10.186.355.070</b>	<b>27.791.274</b>	<b>1.289.654.543</b>	<b>11.513.049.797</b>
Giá vốn bộ phận	(6.490.960)	(3.714.832.527)	(19.127.864)	(286.231.686)	(4.026.683.037)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>2.757.950</b>	<b>6.471.522.543</b>	<b>8.663.410</b>	<b>1.003.422.857</b>	<b>7.486.366.760</b>
Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp theo bộ phận	-	-	-	-	(5.281.542.301)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.204.824.459</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	6.471.078
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	36.160.448
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(25.289.169)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	(336.685.473)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.885.481.343</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>124.746.271.329</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>985.933.766</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẢO DỪNG XANH**  
 Lô AIV-1, KCN Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty (tiếp):

Năm 2016

	Lâm Đồng	TP Hồ Chí Minh	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bến Tre	Cộng
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	11.802.000	2.247.022.359	36.426.091	43.978.000	2.339.228.450
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.802.000</b>	<b>2.247.022.359</b>	<b>36.426.091</b>	<b>43.978.000</b>	<b>2.339.228.450</b>
Giá vốn bộ phận	(9.406.299)	(568.819.645)	(26.590.240)	(43.978.000)	(648.794.184)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>2.395.701</b>	<b>1.678.202.714</b>	<b>9.835.851</b>	-	<b>1.690.434.266</b>
Các chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp theo bộ phận	-	-	-	-	(1.490.420.273)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	-	<b>200.013.993</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	2.794.747
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	(59.307.233)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	-	<b>143.501.507</b>
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	-	<b>10.503.894.501</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	<b>860.392.994</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**32.2 CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức thuê 45 ô vựa có tổng diện tích 488,30 m<sup>2</sup> tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức với tổng số tiền thuê trả trước một lần là 24.549.159.103 đồng, thời hạn thuê kể từ ngày ký hợp đồng 01/08/2017 đến hết ngày 03/07/2053.

**32.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**32.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**32.5 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	24.549.159.103	-

**Số dư với các bên liên quan**

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Các khoản phải trả khác		
- Ông Đặng Đức Thành	-	672.000.000

**Thu nhập của ban Giám đốc**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Tổng thu nhập Ban Giám đốc	369.120.000	220.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.6 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Đây là kỳ kế toán đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Người lập biểu



**Đặng Thị Minh Tuyết**

Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Bích Ngọc**

Bến Tre, ngày 26 tháng 05 năm 2018

**Tổng Giám đốc**



**Đặng Đức Thành**

